

Ở các lớp này, bài Chính-tả được viết lên bảng-đen hoặc được chọn trong sách giảng-văn.

Nếu là bài viết lên bảng đen thì giáo-chức sẽ đọc bài và chỉ cho học-sinh thấy phép viết chính-tả của mỗi tự mới. Đồng thời giáo-chức giảng sơ đại-ý của bài.

Sau khi học-sinh đọc xong bài, giáo-chức bảo chúng tự tìm lấy tựa của bài.

G) CÁCH ĐỌC BÀI CHÍNH-TẢ.

Giáo-chức đọc bài chậm-rãi, rõ-ràng và lập lại mỗi câu hai lần. Nếu gặp « tự » khó, giáo-chức sẽ ngưng lại và bắt toàn-thể học-sinh đọc « tự » ấy với cách phát-âm nhắc cho học-sinh cách viết chính-tả tự ấy. Nếu gặp trường-hợp phải áp-dụng mẹo-luật văn-phạm, giáo-chức phải cho học-sinh hay để chúng đặc-biệt chú-ý.

Ở lớp nhì và lớp nhứt thường có một học-sinh được chỉ-định lên viết bài Chính-tả trên bảng đen xây lưng lại phía các học-sinh khác. Học-sinh nói trên phải có một tuồng chữ tốt là vì bài ấy sẽ là bài kiểu-mẫu cho toàn lớp. Như thế, trước khi đọc bài cho học-sinh viết, giáo-chức không cần viết bài trước lên bảng đen nữa. Nhưng đó là sự bất đắc-dĩ vì nó có nhiều trở ngại lớn.

H) CÁCH CHỮA LỖI MỘT BÀI CHÍNH-TẢ.

Sau khi đã truyền lệnh cho tất cả học-sinh cắt bút mực vào học tử, giáo-chức bắt đầu chữa các lỗi của bài đã được học-sinh viết lên bảng đen. Các tự viết sai được bôi đi và được viết lại sạch-sẽ với một tuồng chữ để toàn lớp không ngờ rằng đó là tự đã viết sai. Xong rồi giáo-chức cho xây mặt bảng đen lại. Các học-sinh sẽ dò theo bài kiểu-mẫu ấy mà chữa những lỗi của mình. Các tự viết sai đều bị gạch và các tự viết đúng qui-tắc chính-tả đều được viết lên trên hoặc ngoài lề trang vở một cách rõ-ràng.

Giáo-chức nhấn mạnh về các chấm, phết và bảo toàn-thể học-sinh chú-ý.

I) NHỮNG BÀI LÀM, BÀI VIẾT SAU CHÍNH-TẢ.

Sau khi đã sửa-chữa xong bài Chính-tả, giáo-chức phải trở lại sự giải-nghĩa bài Chính-tả một cách đầy-đủ hơn nếu đó là một bài mới. Nếu là một bài giảng-văn đã được giải và đọc rồi thì việc ấy là thừa. Giáo - chức sẽ nói qua về tiểu-sử của tác-giả và cho các câu hỏi để học-sinh đem về làm ở nhà. Câu thứ nhất thường là sự thích-nghĩa các tự mới.

Câu thứ nhì thường là một vấn-đề văn-phạm.

Câu thứ ba thường là ý-nghĩa tổng-quát của bài và dàn-bài của toàn bài.

J) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, ngày hôm nay, môn Chính-tả được dạy đúng theo nguyên-tắc sư-phạm và khoa Tâm-lý nhi-đồng nhưt là về năng-khiếu ký-tức và năng-khiếu ngôn-ngữ của trẻ con. Phương-pháp dạy môn Chính-tả như thế đã đem lại một kết-quả chắc-chắn.

*
**

VI. MÔN VĂN-PHẠM

(Số giờ của mỗi tuần dành cho môn Văn - phạm và chương-trình của môn này đã được đồng-thời nêu lên với chương-trình môn Chính-tả).

A) TÍNH-CÁCH CỦA MÔN VĂN-PHẠM.

Môn Văn-phạm không phải là một mục-tiêu cần đạt được như các môn khác trong chương-trình. Trái lại, nó chỉ là một phương-tiện để đi đến mục-tiêu ấy.

Mục-tiêu ấy là : *nói và viết cho đúng Việt-ngữ.*

B) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN VĂN-PHẠM.

1^o) **Bài mới** : Khi dạy bài mới, giáo-chức cần áp-dụng

phương-pháp qui-nạp dưới hình-thức chất-vấn. Thí-dụ :
Bữa nay dạy về chủ-từ, giáo-chức, trước khi nêu lên từ-
ngữ chủ-từ, cho ba thí-dụ như sau :

Ba đọc sách, **Má** nấu cơm, **Em** ngồi chơi. Nhơn đó
giáo-chức giúp học-sinh nhận-thức vai-tuồng quan-trọng
trong ba câu của ba danh-từ : **Ba**, **má**, **em**, và đưa chúng
đến sự tìm ra : **Ba**, **má**, **em** làm chủ-từ trong 3 câu nói
trên. Nếu không có ba danh-từ ấy thì ý-nghĩa của ba
câu đều mù mờ, không rõ.

Ai đọc sách? **Ai** nấu cơm? **Ai** ngồi chơi?

Vậy : **Ba**, **má**, **em** đóng vai chủ trong ba câu và được
gọi là **Chủ-từ**. Căn-cứ theo ba thí-dụ ấy, giáo-chức mới
ấn-định ý-nghĩa của **Chủ-từ**. Định-nghĩa này, học-sinh
sẽ chép vào tập và học thuộc lòng. Giáo-chức bảo chúng
cho nhiều thí-dụ tương-tự như trên để xem chúng có hiểu
bài không? Giáo-chức có thể mượn các thí-dụ ở bài
Chính-tả vừa rồi. Ấy là áp-dụng phương-pháp qui-nạp.

2^o) **Bài dọn** : Tuần sau, trước khi dạy bài mới, giáo-
chức hỏi lại bài cũ bằng cách cho học-sinh đọc lên định-
nghĩa của mỗi loại-từ và bảo chúng áp-dụng mẹo luật
ấy, cho các thí-dụ cụ-thể. Hành-động như thế là giáo-chức
đã áp-dụng suy-diễn pháp rồi vậy.

Các thí-dụ cụ thể đều mượn ở bài Chính-tả. Vì thế
mà mỗi khi nói đến chính-tả thì người ta nói luôn đến
Văn-phạm. Sau khi cho trẻ con viết một bài Chính-tả rồi,
thì giáo-chức nhưn cơ-hội đó dạy môn Văn-phạm bằng
cách trích ở bài Chính-tả những thí-dụ cụ-thể chứng-minh
sự áp-dụng các mẹo luật.

Trong khi dạy môn Tập-đọc, giáo-chức có thể gián-tiếp
áp-dụng mẹo luật văn-phạm cho một vài thành phần của
câu, của một mệnh-đề v.v...

C) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Văn-phạm không phải là một môn học tự nó có một cứu-cánh của nó. Sự nghiên-cứu môn này tựa vào sự quan-sát các bằng chứng, các thí-dụ trích trong các bài Chính-tả, Giảng-văn, v.v... Người ta học văn-phạm không phải chỉ để biết văn-phạm mà là để nói và viết cho đúng tiếng Việt.

* * *

VII. MÔN TÁC-VĂN

TẬP LÀM VĂN

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN TÁC-VĂN Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16.7 năm 1959 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Lớp Năm

Không có Tác-văn

Lớp Tư

Tập làm văn (45 ph X 2) = 1 giờ 30'

Lớp Ba

Tập làm văn : (45 ph X 2) = 1 giờ 30'

Lớp Nhì (Nam học-sinh)

Tập làm văn : 1. giờ 30'

Lớp Nhì (Nữ học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'

Lớp Nhứt (Nam học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'

Lớp Nhứt (Nữ học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'

B) CHƯƠNG-TRÌNH MÔN TÁC-VĂN CÁC LỚP SƠ-TIỂU (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1959).

Lớp Năm

Không có giờ chính-thức nhưng học trò tập làm văn trong tất cả các môn.

Lớp Tư

Tập làm miệng rồi mới làm bài viết theo thứ tự như sau :

- 1^o) Tập điền câu bằng tiếng đã học ở Ngữ-vựng.
- 2^o) Trả lời những câu hỏi về tập-đề trong tuần-lễ.
- 3^o) Đặt thành câu với những chữ đã chọn.
- 4^o) Trả lời những câu hỏi về một đề-mục dễ.

Lớp Ba

- 1^o) Tập làm câu với những tiếng : *thì, mà, là, vì, bởi, bị, được.*
- 2^o) Trả lời theo câu hỏi về một đề-mục đã biết.
- 3^o) Tả những vật, cây, thú, những cảnh (dễ tả) đã trông thấy.
- 4^o) Kể chuyện (những chuyện dễ kể).
- 5^o) Tập viết thư (những thư dễ viết).

Lớp Nhì

- 1^o) Tập dùng những từ ngữ : *chỉ. mà thôi, không những. . . . lại còn, còn. . . . nữa ; — tập dùng những tiếng : mỗi, mọi, mấy, những, các : — tập dùng những tiếng : rất, lắm, quá, hơn, thua.*

2^o) Tả đồ-vật, thú-vật, cây cỏ ; tả cảnh, tả người.

3^o) Thuật chuyện, viết thư đề và hợp với đời sống hàng ngày của học-trò.

LỚP NHỨT

— Tập lại các thể-văn đã làm ở lớp nhì.

— Đơn từ thông-thường.

— Giải-nghĩa, tự-thuật, những cách-ngôn, phương-ngôn, tục-ngữ thông-thường và dễ hiểu.

C) SỰ QUAN-HỆ CỦA MÔN TÁC-VĂN VIỆT.

Đối với một cá-nhân không có gì quan-hệ cho bằng tự mình viết được cái mình biết, cái mình thấy, cái mình muốn, cái mình suy nghĩ bằng những câu văn suông-sẻ đúng phép dễ hiểu.

D) SỰ SÚT-KÉM CỦA CÁC HỌC-SINH VỀ MÔN TÁC-VĂN.

Ở các lớp sơ-tiểu, học-sinh có một trình-độ rất kém về môn Tác-văn. Sự sút kém ấy do ba nguyên nhân sau đây :

1^o) Các học-sinh nói tiếng Việt chưa rành : nhiều nơi còn nói trại bệ, còn giữ thổ-âm.

2^o) Ở các lớp sơ-tiểu, người ta nhấn-mạnh nhiều về môn Chính-tả và môn Văn-phạm mà ít để ý đến môn Tác-văn.

3^o) Ở các lớp sơ-tiểu, người ta ít tập học-sinh nói bằng miệng cho nhiều : bắt tả-cảnh, bắt tự-thuật, tả người bằng miệng.

E) SỰ LỰA CHỌN CÁC ĐỀ TÁC-VĂN.

Sự lựa chọn này rất quan-hệ. Giáo-chức phải có một tập trong ấy có ghi những đề-tài tác-văn đã đặng chọn lọc

cho hợp với tính chất nhà trường, với thời buổi, với học lực của học-sinh.

(Các nguyệt-san, các sách giáo-khoa chỉ giúp ý-kiến cho giáo-chức chớ không bắt buộc giáo-chức nhứt nhứt phải theo đúng trong đó). Nếu là bài văn tả vật, tả người tả cảnh thì phải cho trẻ con thấy rõ vật, người và cảnh ấy.

F) SỰ TÌM KIẾM NHỮNG TỪ-NGỮ THÍCH-ỨNG.

Trong những bài Giảng-văn (bài Âm-độc, bài Chính-tả), giáo-chức bảo học-sinh để ý đến cách dùng các tự đơn, tự kép (từ-ngữ) có ý-nghĩa rõ rệt, thích ứng, khiến câu văn trở nên linh-động, bóng bẩy, có màu sắc rực rỡ.

Trong những bài văn tả người, tả cảnh, giáo-chức dạy học-sinh biết làm nổi bật những điểm chính, những đặc-sắc của cảnh, của vật, con người bằng cách dùng khéo léo các từ-ngữ.

G) NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM CẦN NÊN TRÁNH.

1^o) Không cho học-sinh tả vật, tả cảnh, tả người mà chúng chưa thấy bao giờ.

2^o) Không nên cho chúng tả những mối tình mà chúng chưa thể biết hoặc quá sức chúng.

3^o) Không nên bảo học-sinh viết thơ khuyên một người bạn nên ham học, siêng năng vì vai tuồng ấy không phải của chúng mà là của những bậc lão-thành và của thầy học.

4^o) Đề-tài một bức thư gửi cho bạn phải phù-hợp với thực-lễ, phải có vẻ đúng sự thật, nghĩa là vừa sức học-sinh.

5^o) Không nên bắt học sinh viết thơ cho người thân-nhân để báo tin cái chết của người nhà mình vì lẽ không nên kêu gọi ở tâm-hồn trẻ con những tư-tưởng thảm-dạ, đen tối.

6^o) Các đề tài tác-văn phải được lựa thể nào mà học-

sinh có thể áp-dụng những tri thức, những tài-liệu riêng của trí ký-ức chúng. Có như thế bài Tác-văn của chúng mới có tính-cách đặc-biệt, hoàn toàn của chúng.

7^o) Sự sửa soạn bằng miệng (sự chuẩn bị bằng miệng. Cách bố-cục của một bài Tác-văn...)

a) Bắt học - sinh đọc đi đọc lại đề - tài đã ra và nhấn mạnh những tự, những từ-ngữ then chốt của đề-tài bằng cách gạch một nét ở dưới các tự, các từ-ngữ ấy.

b) Học-sinh cố suy nghĩ để cùng giáo-chức tìm ra các ý-kiến ấy. Đó là « sự săn ý-kiến » làm cho lớp học linh-động. Các ý-kiến do học-sinh đưa ra đều được nêu lên bằng đen không theo một trật-tự nào. Sau khi không còn ai cho ý-kiến nữa thì giáo-chức hiệp với học-sinh mà sắp xếp các ý-kiến ấy thành một dàn bài có thủ có vĩ và đầy đủ chi-tiết.

Sau đó giáo-chức gọi một vài học-sinh đứng lên thảo bằng miệng các câu văn của đoạn đầu (nhập đề) hoặc của đoạn chót (kết luận). Toàn lớp đều được phê bình cách hành-văn thuộc đoạn ấy. Giáo-chức cũng nên cho biết người ta có thể thảo ra các đoạn nói trên bằng một cách khác, khéo-léo hơn.

Sau buổi học, học sinh về nhà và làm lại toàn bài Tác-văn đúng theo dàn bài đã nói trên. Giáo-chức không nên nói đi nói lại nhiều lần mỗi đoạn của dàn-bài vì sẽ có một số học-sinh cố-gắng nhớ các lời của giáo-chức và sau khi về nhà chúng sẽ chép ra giấy những lời ấy mà không cố tìm ý-kiến nào mới. Như vậy thật là một tai hại vì nhiều bài sẽ giống nhau và rốt cuộc bài Tác-văn không bổ-ích chi cho chúng cả.

Một học-sinh làm bài Tác-văn ở nhà trên một tờ giấy

nháp (brouillon) để mặc tình bôi xóa, sửa chữa. Bữa sau, vào lớp chúng sẽ trình giấy nháp lên giáo-chức xem và sửa-chữa đôi chỗ. Đoạn chúng chép bài ấy vào tập tác-văn hoặc vào một tờ giấy sạch riêng biệt và đem nộp cho giáo-chức. Đầu niên học, vì học-sinh chưa quen, nên giáo-chức giúp chúng lập lên dàn-bài đủ chi-tiết.

Nhưng sau rồi, dần dần giáo-chức sẽ thâu ngắn lại dàn-bài ấy. Số chi-tiết sẽ dần dần bớt đi. Đến gần cuối niên-khóa thì giáo-chức chỉ cho đề-tài tác-văn với một dàn-bài có những điểm đại-cương thôi. Cuối niên-khóa thì đề-bài được cho mà không có dàn-bài kèm theo cốt để học-sinh tự cố-gắng làm bài một mình. Đó là tập chúng có tinh-thần tự-lập, tin cậy ở chúng mà thôi.

Đề trang-trí một bài Tác-văn học-sinh có thể vẽ hình ảnh có tô màu ngoài lề của bài. Do các hình ảnh ấy mà giáo-chức biết được sức cảm-thông đề-tài của trẻ con đến mức nào.

4) SỰ SỬA BÀI TÁC-VĂN.

Giáo-chức sửa các bài Tác-văn tại tư-thất của giáo-chức. Nếu sĩ số quá đông mà mỗi tuần nhứt phải có hai buổi dạy môn Tác-văn thì giáo-chức có thể làm như thế này : Số bài được chia ra làm hai loại : Kỳ đầu loại bài thứ nhứt được sửa và phê-bình cho điểm kỹ-lưỡng. Loại thứ nhì chỉ có điểm mà không có sự sửa-chữa kỹ-lưỡng các lỗi. Kỳ thứ hai thì đổi ngược lại : loại bài thứ hai thì được sửa chữa kỹ-lưỡng. Trái lại, loại bài thứ nhứt chỉ được có điểm và lời phê-bình tổng-quát mà thôi. Giáo-chức có thể chia số bài làm hai phần. Tuần này phần I được sửa và có điểm cẩn thận. Tuần sau sẽ tới phiên phần II.

Trong khi sửa bài Tác-văn giáo-chức cần có bên cạnh một tập trong ấy có nêu rõ các khoản như sau.

1^o) *Lỗi về dàn bài* : (Cách sắp xếp vung về các ý-kiến, các điều thiếu sót ; các ý-kiến ngoại đề, vô ích).

2^o) *Lỗi về cách đặt câu* : (đặt câu vụng về, không gọn, các điều thiếu sót về các mệnh-đề chính và phụ).

3^o) *Lỗi về sự dùng sai các «tự», các từ-ngữ*

4^o) *Lỗi về sự lập đi lập lại một ý-kiến*

5^o) *Lỗi về chính-tả*

6^o) *Lỗi về văn-phạm*

7^o) *Chữ viết cầu-thả*

Trong khi sửa bài, giáo-chức sẽ lần lượt ghi vào các khoản ấy tên những học-sinh đã làm lỗi và làm dấu trong mỗi bài các lỗi thuộc về bảy khoản vừa kể.

Giáo-chức trong khi chấm bài, chú-trọng về hai khoản ý tứ của bài và cách hành-văn.

Các lời phê-bình, các khuyết điểm đều được nêu lên đầu trang nhứt, ở lề của bài. Chữ viết phải cẩn thận, để chứng-minh giáo-chức rất chú-trọng đến bài làm.

Giáo-chức không nên dùng mực đỏ bôi bỏ tất cả các câu bằng những nét đậm chứng tỏ sự bất bình, sự nóng nảy của giáo-chức. Bài Tác-văn được sửa như thế, một là làm cho học-sinh hoặc là bi-quan, chán nản, vì chúng nhận thấy rằng : chúng không thể học tới nữa được, vì làm bài không trúng, không được thầy khuyên một đoạn nào ; hoặc là làm chúng bực tức và cho giáo-chức là bất-công, không hiểu chúng.

Điều nên làm là ngoài những khoản chê trách còn có những khoản khen tặng vì theo khoa sư-phạm hiện-thời phải tìm cơ-hội để khen chúng, dù đó là một điều nhỏ mọn.

Giáo-chức chỉ sửa các lỗi quan-trọng mà thôi, nghĩa là những lỗi mà chính học-sinh không nhận ra và không biết sửa chữa cách nào. Những lỗi thường về chính-tả,

văn-phạm v. v thì-giáo chức chỉ gạch ở phía dưới các lỗi ấy và đề ngoài lề những chữ tắt như sau : V. p, nghĩa là lỗi về văn-phạm, C. t. nghĩa là lỗi về chính-tả.

1) SỰ TRẢ BÀI TÁC-VĂN.

Đến ngày trả bài tác-văn, trước hết giáo-chức nêu lên lời phê-bình tổng quát : khen hoặc chê chung toàn lớp.

Đoạn giáo-chức mới nêu lên những lỗi lầm chung của toàn lớp về dàn bài. Giáo-chức đọc cho toàn lớp nghe bài kiểu-mẫu do giáo-chức soạn hoặc do sự kết-hợp các đoạn hay trích ở các bài.

Bài kiểu-mẫu chỉ được đọc cho toàn lớp nghe mà thôi, chớ không được cho chép vào tập. Làm như thế là để tránh những tai hại về sau trong các cuộc thi : nhiều thí-sinh chép lại bài kiểu - mẫu đã cho trước ngày ấy và bị khép vào tội gian lận.

Sau cùng, chiếu theo các điều đã được liệt vào 7 khoản nói trên, giáo-chức gọi mỗi học-sinh lên nhận và sửa lỗi đã làm. Giáo-chức có thể cho viết câu văn sai lầm ấy lên bảng đen để toàn lớp cùng sửa chữa. Giáo-chức sẽ cho ý-kiến chót hết.

Những lỗi bị gạch ở phía dưới, ngoài lề có ghi dấu V. p. hay là C. t. thì học sinh sau khi về nhà sẽ dùng bút chì tự sửa lấy để vài ngày sau trình lên giáo-chức xem lại coi đúng không.

Mục-đích của sự sửa bài là giúp học-sinh tự nhận thấy lỗi đã làm, tự sửa chữa lấy để rồi kỳ tới không đi vào vết xe cũ nữa. Nếu có sự thành-thực cải hối, sửa chữa như vậy thì mục-đích của sự sửa chữa bài đã đạt được rồi. Nhưng khốn nỗi, phần đông học-sinh chỉ chú trọng đến khuyến điểm mà không mấy để ý đến các lỗi đã được giáo-chức sửa chữa cho.

Nếu khuyên điếm lớn, lời khen dồi dào, bài ít bị sửa thì chúng còn ráng đọc lại toàn bài và đề ý đến các lỗi đã được chữa. Nếu không thì chúng sẽ xếp bài đề vào một góc và không buồn xem đến. Như vậy công-trình của giáo-chức để sửa chữa các lỗi đã trở thành vô hiệu rồi. Đó là trường-hợp thường xảy ra luôn và đâu vẫn còn đấy. Thật là một điều hết sức đau đớn ! Bởi thế mới có sự đề học-sinh tự sửa lấy những lỗi của chúng làm đề rồi vài ngày sau trình lên giáo-chức kiểm soát lại.

J) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, ở các học đường sơ-tiểu, hiện nay sự dạy môn Tác-văn chưa đem lại kết-quả mong muốn.

Phần nhiều các ông thầy, bà thầy không sớm tập luyện học-sinh về môn này, nhứt là sự sửa soạn bài Tác văn bằng miệng (exercices oraux de rédaction).

Nhứt là sự sửa bài. Nó đòi hỏi ở giáo-chức nhiều thì giờ, nhiều công phu mà rồi nó cũng chẳng bổ-ích chi cho học-sinh lắm. Các lỗi lầm đã được nêu lên mà nào có được chúng thành thực quan-tâm đâu ?

Theo đúng nguyên-tắc, một lỗi lầm đã được sửa chữa phải là một bước tiến của học-sinh. Học-sinh phải tự sửa chữa lấy hoặc ít ra cũng đọc đi đọc lại những lỗi đã được thầy sửa chữa cho đề cương quyết bỏ hẳn lỗi xưa, tránh hẳn tật cũ. Muốn được vậy, sau khi đã trả lại bài Tác-văn, vài ngày sau giáo-chức phải ra lệnh góp tất cả các bài ấy lại để xem học-sinh có chịu khó sửa chữa các lỗi không ?

Vì giáo-chức thiếu thì giờ, vì sĩ số quá đông và nhứt là vì tính cầu-thả của hầu hết học-sinh mà kết-quả của môn Tác-văn thường không được tốt đẹp.

CHƯƠNG HAI.

MÔN ĐỨC-DỤC VÀ MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

I. MÔN ĐỨC-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN ĐỨC-DỤC Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU. (Bộ Quốc-gia Giáo-dục: Chương trình 1959).

Lớp Năm

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

Lớp Tư

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

Lớp Ba

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

Lớp Nhi (Nam học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : 2 giờ 30'.

Lớp Nhi (Nữ học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : 2 giờ 30'.

Lớp Nhứt (Nam học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : 2 giờ 30'.

Lớp Nhứt (Nữ học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục : 2 giờ 30'.

B) CHƯƠNG-TRÌNH ĐỨC-DỤC VÀ CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC CÁC LỚP SƠ-TIỂU (Bộ Quốc-gia Giáo-dục: Chương-trình 1959).

Lớp Năm

Ở ba lớp dưới (năm, tư, ba) chương-trình Đức-dục chuyên-chú về phần thực-hành. Giáo-viên không ra bài học, nhưng vẫn có giờ nhứt-định để giảng-giải và kể những chuyện lý thú để cảm-hóa trẻ, sớm gây cho chúng có những đức-tinh sau đây :

— **Bồn-phận đối với bản-thân :**

Sạch sẽ, ăn uống, thứ-tự, thành-thực, vui-vẻ, bạo-dạn.

— **Bồn-phận trẻ trong gia-đình :**

Bồn-phận đối với cha-mẹ, anh-em, ông-bà.

Các ngày kỷ-niệm trong gia-đình. Cách đối đãi với người ở (tử-tế, dậu-dàng).

— **Bồn-phận trẻ đối với học-đường :**

Bồn-phận đối với thầy học! Yêu-mến, tôn-trọng, vâng-lời.

Bồn-phận đối với bè bạn: giúp đỡ lẫn nhau, hòa-thuận nhau, thương-yêu nhau — Kín miệng.

— **Bồn-phận đối với người ngoài :**

Lễ-phép. Cách chào hỏi, xưng-hò với kẻ dưới, người trên (trong nhà mình, nơi nhà người, ngoài đường).

Lớp Tư

Không có bài học, nhưng vẫn có giờ giảng-giải nhứt-định. Giảng xong cho chép một câu quyết-định.

1^o) **Bồn-phận đối với bản-thân :**

Phải tập thể-dục ; biết gắng công. Phải học-hành và tập-rèn đức-tinh tốt. Khi lầm lỗi, biết hối-cải. Tiết-kiệm. Nhún-nhường.

2^o) **Bồn-phận trẻ trong gia-đình :**

Nhắc lại chương-trình lớp năm.

Thêm : Giữ tiếng thơm cho cha mẹ, ông bà. Bồn-phận đối với họ hàng.

3^o) **Bồn-phận trẻ ở học-đường :**

Nhắc lại chương-trình lớp năm.

Thêm : Tình bè bạn.

4^o) **Bồn-phận đối với người ngoài :**

Lễ phép. Ngay thẳng. Yêu mến và giúp đỡ đồng-bào.

Lớp Ba

Không có bài học, nhưng có giờ giảng-giải nhứt-định. Giảng xong, cho chép một câu quyết-định hay một câu châm-ngôn.

1^o) **Nhắc lại chương-trình lớp tư :**

Bồn-phận trẻ con đối với bản-thân.

2^o) **Bồn-phận trẻ đối với gia-đình :**

Hiếu, đễ. Bồn-phận làm con.

a) Khi còn nhỏ ; b) Khi trưởng thành ; c) Khi cha mẹ già-yếu.

3^o) **Bồn-phận trẻ ở học-đường :**

Nhắc qua những điều đã dạy ở lớp Năm. Tình bè-bạn. Bồn-phận đối với thầy và bạn.

4^o) **Bồn-phận đối với người ngoài :**

Nhắc lại những điều đã dạy ở lớp tư.

Thêm : Trọng lời hứa, Chân thật.
Sự giao tiếp với bà con, họ-hàng, làng-xóm.

Lớp Nhì

Có giờ nhứt-định, có bài học, nhưng vẫn chú-trọng về phần thực-hành.

1º) Bồn-phận đối với bản-thân :

Phải tập thể-dục và thích hoạt-động. Tinh-thần đồng-đội trong các trò chơi.

Can-đảm. Biết nhận trách-nhiệm. Biết tự-trọng. Biết phòng-xa và tiết-kiệm. Tập sống đời giản-dị (bỏ thói xa-hoa phung-phí, đài-các trưởng-giả).

2º) Bồn-phận trẻ trong gia-đình :

Trách-nhiệm huynh-trưởng. Bồn phận đối với tộc-thuộc. Trọng tinh-thần gia-tộc.

3º) Bồn-phận trẻ ở học-đường :

Nhắc lại những điều đã dạy ở lớp ba. Nghĩa thầy trò, tình bè-bạn. Tôn-trọng danh-dự ở học-đường.

4º) Bồn-phận đối với người ngoài :

Phải trọng tính-mệnh, nhân-cách và tài-sản của người khác, phải thật-thà (tín) trong việc giao-dịch. Công-bình.

5º) Bồn-phận đối với Tổ-quốc :

Lòng yêu nước. Trọng kỷ-luật. Tuân pháp-luật.

Ở trường nữ-học : Bồn-phận người con gái trong gia-đình. Giúp đỡ mẹ trong việc gia-đình (trồng nom, dạy dỗ các em, khâu vá, giặt giũ quần áo).

Lớp-Nhất

Có giờ nhất-định. Có bài học. Nhưng vẫn chú-trọng về phần thực-hành.

1^o) — **Bổn-phận đối với bản-thân :**

Ôn lại chương-trình lớp Nhì.

Thêm : Cần phải làm việc và gắng sức. Giá-trị những lao-nghiệp, trọng những lao-nghiệp.

Phải biết chọn-nghề, yêu nghề và luyện-tập thêm cho tinh-xảo.

Phải có óc tổ-chức, sáng-kiến, canh-tân, sức tranh-đấu với khó-khăn, và hủ-tục. Làm việc phải có tin-tưởng, có phương-pháp. Lương-tâm nhà-nghề, liêm-khiết.

2^o) — **Bổn-phận trẻ trong gia-đình :**

Ôn lại chương-trình lớp Nhì :

3^o) — **Bổn-phận trẻ ở học đường :**

Bổn-phận học trò đối với thầy, với bạn sau khi rời khỏi nhà trường.

4^o) — **Bổn-phận đối với người ngoài :**

Lòng tương-trợ (tham-dự vào việc công-ích : việc cứu-tế, chống nạn thất-học). Hy-sinh giúp đồng-bào. (lúc cháy nhà, khi bão-lụt). Nhân-từ, bác-ái.

5^o) — **Bổn-phận đối với tổ-quốc :**

Tránh những hành-vi bất lợi cho nước.

Phải giữ thuần-phong, mỹ-tục của Việt-Nam.

Phải thu-thập những tinh-hoa của văn-hóa nước ngoài.

Ở trường nữ-học, lớp Nhì, lớp Nhất, dạy thêm bổn-phận người con gái trong gia-đình. Giúp đỡ mẹ trong việc gia-chính (trông nom nhà cửa, sai bảo người làm, săn-sóc người ốm).

C) LÝ-DO SỰ ĐEM MÔN LUÂN-LÝ VÀO CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC :

Người ta có thể quan-niệm một xã-hội vô học-thức mà trái lại, người ta không thể quan-niệm một xã-hội vô luân-lý được. Cá-nhân có thể thiếu học-thức mà không thể thiếu đức-hạnh được. Bởi thế mới có câu : « Đức thắng tài vi quân-tử, tài thắng đức vi tiểu-nhân. »

Trong một nước độc-lập văn-minh, mỗi công-dân phải nhận-thức rõ-rệt phạm-giá và trách-nhiệm của mình. Môn luân-lý và công-dân giúp học-sinh hiểu rành hai khoản ấy vì học-sinh là công-dân tương-lai của nước. Hạnh-phúc chung của nước-nhà là do ở hạnh-đức của toàn dân. Mà hạnh-đức của quốc-dân đồng-bào là nhờ nhà-trường hun-đúc cho.

D) HAI LỐI DẠY MÔN LUÂN-LÝ HAY LÀ ĐỨC-DỤC.

Môn Đức-dục được dạy ở nhà trường hoặc là theo lối trực-tiếp, hoặc là theo lối gián-tiếp.

1o) **Lối trực-tiếp.**— Trong mỗi tuần-nhật, mỗi lớp học có hai giờ Đức-dục chia ra làm nhiều buổi dạy. Đến giờ Đức-dục, giáo-chức hỏi bài cũ rồi giảng bài mới. Giáo-chức cần cụ-thể-hóa bài dạy bằng tranh-ảnh, bằng điệu-bộ hoặc bằng những kịch ngắn.

Khi dạy các môn khác, nếu có dịp thì giáo-chức cho áp-dụng bài Đức-dục đã học rồi, hoặc lợi-dụng cơ-hội mà giảng rộng bài Đức-dục ra.

2o) **Lối dạy gián-tiếp.**— Trong bất cứ trường-hợp nào ở nhà trường (trong giờ học, giờ chơi, ngoài đường, ngoài phố, trong gia-đình, giáo-chức cần xem chừng và khuyên học-sinh áp-dụng những bài Đức-dục đã học rồi để tập rèn nhiều đức-tính tốt. Phần thực-hành trong môn Đức-dục mới chính là phần quan-trọng. Nhờ thế mà trong mọi trường-hợp cá-nhân mới biết biện-phân tà-chánh.

E) TÍNH-CÁCH DẠY MÔN ĐỨC-DỤC.

1^o) Các ý-tưởng được nêu lên trong bài đức-dục phần lớn là trừu-tượng, khó hiểu, khó thấy. Bởi thế, cần phải cụ-thể-hóa bài dạy bằng những tranh ảnh, những điệu bộ hoặc bằng những kịch ngắn.

2^o) Bài dạy phải giản-dị, cần chú-trọng về nguyên-tắc đại-cương dưới hình-thức một cuộc đàm-thoại, một cuộc kể chuyện. Giáo-chức phải biết nói tiếng trẻ con, kích-thích trí tò-mò, sự chú ý của chúng. Tuy là bài dạy được giản-dị-hóa nhưng nó không kém phần cao-thượng về tình, về ý để kích-thích tâm-hồn trẻ con làm nẩy-nở những tình tình cao-thượng hiện còn trong tình-trạng tiềm-tàng. Nhờ có sự hun-đúc kỹ-lưỡng, trẻ con sẽ có một tâm-hồn cứng-rắn khả-dĩ mai sau này đương đầu với những cảnh-ngộ éo-le ngoài xã-hội mà không bị sa-ngã.

3^o) Trong khi dạy môn Đức-dục, giáo-chức cố sửa chữa những tư-tưởng lệch-lạc do phụ-huynh truyền lại cho trẻ con. Thí-dụ: Trốn xâu, lậu thuế không phải là tội trộm cắp.

4^o) Giáo-chức phải hướng-dẫn trẻ con đến chỗ làm một điều thiện là chỉ biết việc ấy là điều phải và chỉ có thể thôi. Không nên có ý nghĩ làm một việc lành là cốt để được trời ban phước, xã-hội khen-thưởng. Nói một cách khác, nên hướng trẻ-con về sự « Vô-tâm hành thiện » hơn là về sự « Hữu-tâm hành thiện ».

5^o) Giáo-chức cần biến những quyết-dịnh thành những « vô - thượng mệnh - lệnh ». (impératifs catégoriques) để thúc đẩy học-sinh cố-gắng. Thí-du : « Tôi muốn học », « Tôi muốn dậy sớm ».

Ấy là áp-dụng nguyên-tắc tâm-lý, « Ý-tưởng hợp với hành-động ».

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục :

Mục-đích môn Đức-dục là giúp trẻ em có những đức-tính tốt cần-thiết cho một công-dân của một nước độc-lập. Vậy nguyên-tắc của chương-trình Đức-dục là gây cho học-sinh có bản-tánh, có lòng tự-tin và tinh-thần tự-lập, có tinh-thần quốc-gia, giàu lòng nhân-đạo, bác-ái, biết đoàn-kết và hy-sinh vì chính-nghĩa.

Muốn đoạt mục-đích trên, chương trình đức-dục không thể là một mớ bài luận-lý để nhồi vào óc trẻ những lý-thuyết suông : trái lại, những bài luận-lý và những lời huấn-giới, những câu châm-ngôn hoặc cách-ngôn đích-đáng, những mệnh lệnh chính xác, nêu rõ những đại-ý và những nghĩa-vụ chính trong đạo làm người. Trong khi giảng-giải, ông thầy nên dạy sơ-lược về phần lý-thuyết và hết sức cụ-thể-hóa bài-học, kể những chuyện vật thông-thường, những thí-dụ rút ở đời sống thực-tế hay ở chuyện danh-nhân các nước khác. Nên đề-cao đạo-đức hơn tài-năng. Đó là phương-pháp làm cho học-trò nhận thấy chân-lý một cách rõ-ràng và sẽ có công-dụng là kích-thích bản-năng đạo-lý của đứa trẻ.

Ngoài ra, công-cuộc rèn-luyện tính-tình cốt ở sự thực-hành. Bất cứ lúc nào, thầy-giáo phải kiểm-cố hành-vi, cử-chỉ học-sinh, không để chúng sai-lạc ngoài lối dạy, gây cho chúng những tập-quán tốt, trừ bỏ những thói xấu, rèn-luyện cho chúng hăng-hái và quả-quyết trong mọi trường-hợp quan trọng.

Cách dạy môn Đức-dục phải đi ngay vào tâm-hồn, vào trí-khôn và vào ý-chí của học-sinh.—

a) **Đi ngay vào tâm-hồn trẻ :** Giáo - chức phải giảng bài Đức-dục thế nào cho trẻ-con cảm-động và tùy trường-hợp mà tỏ ra, khi thì xấu-hổ, khi thì tức-giận khi thì oán-ghét, khi thì vui tươi v.v... xấu-hổ trước những việc nhục-nhã hèn-mạt, tức giận trước những việc bất-công,

oán-ghét trước những sự tàn-ác vô nhân-đạo, vui tươi trước những việc nghĩa-khí cao-cả v.v...

Đề đạt mục-dịch trên, trong khi giảng bài, giọng nói và sắc-mặt của giáo-chức cũng phải tùy trường-hợp mà thay-đổi. Hỉ, nộ, ai, lạc đều có đủ.

b) **Đi ngay vào chí óc trẻ** : Trong khi trẻ cảm-động, giáo-chức nhân đó giúp chúng biện-phân tà chính và tìm ra các lý-do của mỗi trường-hợp.

c) **Đi ngay vào ý-chí trẻ** : Trẻ cảm động, trẻ suy-nghĩ, trẻ biện-phân phải trái. Tất cả điều ấy chưa đủ. Trẻ phải tỏ ra ý-chí mãnh-liệt, phải muốn làm điều phải, tránh điều quấy và đem ra thực-hành ngay.

Giáo-chức cần dạy trẻ học nhiều câu cách-ngôn, ngôn-ngữ hay, để chúng lấy đó làm kim-chỉ-nam trong cách đối xử với người đời.

Môn Đức-dục dạy ở nhà-trường không lệ thuộc vào một tôn-giáo, một đảng-phái chính-trị nào :

Nói một cách khác, khi dạy môn Đức-dục giáo-chức không nên tuyên-truyền cho một tôn-giáo, một đảng-phái chính-trị nào vì lẽ nền luân-lý mà giáo chức đem ra giảng dạy là lành mạnh cho mọi người công-dân trong nước bất phân tôn-giáo, đảng-phái chính-trị.

Sự soạn bài Đức-dục :

a) Bài đức-dục phải được soạn kỹ-lưỡng là vì những tư-tưởng của giáo-chức đưa ra phải là những mệnh-lệnh, những châm ngôn mà học-sinh phải tuân hành. Về phương-diện này, ngẫu-hứng, thị-hiểu nhất thời, sự cầu-thả có một tai-hại không thể tưởng-tượng được.

b) Giáo-chức có thể ra nhiều câu-hỏi về đề-tài bài học kỹ tới để học-sinh về nhà suy-nghĩ trước và đến ngày đã định sẽ đứng lên đáp lại các câu hỏi ấy.

c) Bài Đức-dục không nên có tính cách một bài thuyết-

kinh nghĩa là quá dài và giảng-giải với một giọng đều đều làm cho tất cả học-sinh ngủ gật.

d) Giáo-chức phải có hai tập : riêng một tập để ghi các đề-tài Đức-dục đã được chọn-lọc ở các sách thuộc đề loại ấy hoặc các sách giảng-văn ; một tập để ghi những cử-chỉ, những việc làm đáng khen, hoặc đáng chê, hoặc ở trường, hoặc ở ngoài đường, hoặc ở tại gia-đình học-sinh. Các mẫu chuyện nhỏ này sẽ là những thí-dụ cụ-thể để chứng-minh những bài sắp dạy.

e) Giáo-chức có Tập soạn bài chính-thức gồm các mục sau đây :

Mục-đích của bài : (ý-kiến căn-bản, các câu hỏi).

Các bài đọc đề bổ-túc bài dạy : (tên sách và trang sách).

Toát-yếu. (Không có ở lớp năm ; một câu quyết-định ở lớp tư ; một câu quyết-định hay một câu châm-ngôn ở lớp ba ; một toát-yếu ngắn ở lớp nhì, một toát-yếu khá dài ở lớp nhứt),

Khi học bài Đức-dục thái-độ giáo-chức phải như thế nào ?

a) Đến giờ Đức-dục, giáo-chức phải tỏ vẻ nghiêm-nghị trịnh-trọng để học-sinh không coi thường bài dạy và đặc-biệt chú-ý. Cần tránh những câu nói mỉa-mai, hài-hước làm mất vẻ tôn-nghiêm trên.

b) Lời nói của giáo-chức rất bình-dị, dễ hiểu, nhưng không kém phần sâu-xa, sắc-sảo và cương-quyết.

Hộp tin - tức. Trong lớp, một hộp tin-tức có thể được treo vào tường. Tất cả học-sinh được biết những việc đáng khen thưởng ngoài giờ học do một số bạn đồng song đã làm, có thể tóm-tắt những công việc ấy trong mảnh giấy con và bỏ vào hộp mà không cần ký tên. Cuối

tuần giáo-chức sẽ mở hộp ấy ra, nhận lấy các tin tức ấy để làm đề-tài khen thưởng trong những bài học kỳ tới. Giáo-chức cấm ngặt không cho học-sinh bỏ giấy nói xấu lẫn nhau để tránh cho chúng tính hay thóc-mách, có tai hại lớn khi chúng ra đời.

Tuy nhiên, hộp tin tức chỉ được đặt lên là khi nào toàn thể học-sinh có một tinh-thần khá cao, không ghen-tị, vô-tư, nhứt là không nói hành nhau.

E) SỰ CẦN-THIỆT NÓI-TIẾP CÁC BÀI ĐỨC-DỤC BẰNG MỘT NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN BAO TRÙM TẤT CẢ CÁC BÀI.

Cần nối liền bài Đức-dục này với các bài Đức-dục khác bằng một nguyên-tắc căn-bản chung như sau :

Cần phải tôn-trọng phẩm-giá con người :

Trong mỗi bài Đức-dục, sau cùng phải có một câu, một đoạn nói hoặc ám-chỉ nguyên-tắc ấy.

F) KẾT-LUẬN.

Môn Đức-dục là một trong các môn quan-trọng của chương-trình.

Tuy rằng được trình bày một cách giản-dị, môn ấy vẫn có một tính-cách cao-thượng, trang-nghiêm, vô-tư và đại-đồng ở chỗ môn ấy không phân-biệt màu sắc tôn-giáo và đảng-phái chính-trị. Mục-đích của nó là làm cho trẻ con hiểu rõ và đem ra áp-dụng những nguyên-tắc căn-bản của luân-lý đạo-đức chung cho con người. Phần thực-hành mới là phần quan-trọng vì nó nhằm sự đào-luyện tâm-hồn trẻ con theo một con đường quang-minh chánh-đại. Nó cung-cấp cho xã-hội mai sau này hạng người có tài lẫn đức để tránh cái vạ « Có học thức rộng mà không có lương-tâm là một sự đồ vỡ của linh-hồn. »

II. MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC. (Xem mục này của môn Đức-dục).

B) CHƯƠNG - TRÌNH MÔN CÔNG - DÂN GIÁO - DỤC.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục, chương-trình tiểu-học ngày 16-7-1959).

Lớp Năm

Không bài, nhưng vẫn có giờ nhất định. Tùy cơ-hội tùy hoàn-cảnh, giáo-viên nên giúp trẻ rèn-luyện một cách thiết-thực những tập-quán và trí-thức cần-thiết sau đây :

Tập thực-hành về luật đi đường (ngay đầu niên học).

Tập thực-hành những điều thiết-yếu trong phạm-vi của trẻ con : không xé giấy ở lớp, không đổ rác ở sân, không viết bậy lên bàn, lên tường, không hái hoa, không phá cây cối trong công-viên, không ném đá. Không trèo cây. Không hủy-hoại các bảng yết-thị của Chính-phủ. Biết trọng vệ-sinh chung ở trường, ở nhà ; vệ-sinh ở đường đi, ở các ao, hồ và giếng công-cộng. Cử-chỉ của trẻ con lúc chào Quốc-kỳ.

Lớp Tư

Không có bài, nhưng có giờ học nhất định.

Tập thực-hành luật đi đường.

Nói chuyện về xóm, làng, tổng, quận, tỉnh nếu ở thôn quê ; về khu-phố, thị-xã nếu ở thành-thị (tuần-phòng, cai-trị). Kính-trọng nhà cầm-quyền. Kể chuyện thuộc về lịch-sử, địa-lý, làm cho nảy nở lòng yêu nước trong tâm-trí trẻ con

để chúng biết nước Việt-Nam là rộng lớn, đẹp và có thể trở nên giàu mạnh.

Bồn-phận công dân : Trọng của công. Trọng tài-sản của người khác (ở thôn-quê, không tháo nước ruộng để bắt trộm cá, không để súc-vật hủy-hoại ruộng-nương của người, không hái quả trong vườn người). Không viết bậy trên tường nhà hoặc phố của kẻ khác. Trọng vệ-sinh chung.

Lớp Ba

Có bài, có giờ học như định.

Nhắc lại luật đi đường và cách tổ-chức hành-chánh trong nước. Thực-hành các phép xử-thế : ăn-mặc, cử-chỉ, ngôn-ngữ ở nơi công-cộng (trên xe, dưới tàu, ngoài đường, ở rạp chiếu bóng, tại nhà ga, buru-điện, tại các công sở, các hội hè, lúc nghe Quốc-ca, lúc chào Quốc-kỳ, khi gặp đám mả v.v...) Thực-hành các phép xã-giao. Bồn phận người công-dân : đóng thuế, thi-hành quân-dịch, tuân theo pháp-luật.

Lòng yêu nước. Tinh-thần đoàn-kết. Trọng kỷ-luật. Nhận trách-nhiệm. Kính người trên, nhưng không sợ-sệt khiến dễ sinh những điều lạm-dụng uy-quyền.

Lớp Nhi

Tập những đức-tính người công-dân nước Cộng-Hòa : Gắng-sức hy-sinh, công-tâm, lòng tự-tín, trí tự-cường. Sự sáng-suốt và lòng can-đảm để nhận trách nhiệm. Ý-niệm thông thường về giấy khai-sinh, khai-tử, giá-thủ. Tập đời sống mới, chấn-hưng mỹ-tục, bài trừ hủ-tục (đọc và giảng những đoạn văn có tính cách kích-thích lòng yêu nước).

Lớp-Nhứt

Bổn-phận người công-dân.

Trọng kỷ-luật, yêu công-bình, chuộng tự-do, đoàn-kết, phụng sự Quốc-gia.

Bổn-phận phải nạp thuế và thi-hành quân-dịch :

Cảm-tình và nghĩa-vụ đối với Quốc-kỳ, Quốc-ca và Tổng-thống. Bảo vệ danh-dự của Quốc-gia. Bổn-phận bảo-vệ rừng : không đốt phá rừng, chống nạn cháy rừng.

Quyền-lợi người công-dân : Tính-mệnh tài-sản được bảo-đảm, trí-thức được mở-mang. Ý-niệm về bầu-cử và ứng-cử.

Tổ-chức chính-quyền. Quyền lập-pháp. Quốc-hội. Tổng-thống. Quyền hành-pháp. Các công-sở chính, Bộ, Nha, Sở, Phòng, các Ty.

C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC.

1^o) Môn Công-dân giáo-dục cho trẻ con biết cách tổ-chức quốc-gia về hai phương-diện: xã-hội và chính-trị. Đồng thời môn ấy cũng cho biết những quyền-lợi và bổn-phận của mỗi công-dân trong nước.

2^o) Môn công-dân giáo-dục có một giá-trị giáo-dục rất to. Nếu môn Công-dân giáo-dục chỉ chú-trọng về sự dạy trẻ-con hiểu biết những khái-niệm nói trên thì nó sẽ rất khô-khan và chưa đầy đủ. Nó cần có những ảnh-hưởng sâu-xa đối với trẻ-con hơn bằng cách làm nảy-nở ở chúng những mối tình nồng-hậu như : tuân luật-pháp, kính-trọng nhân-quyền, lòng ái-quốc, tinh-thần khoan-dung, sự hy-sinh quyền lợi cá-nhân cho quyền-lợi chung. Đó là những đức-tính căn-bản, chủ-đích của tinh-thần công-dân. Vì chỗ đó mà môn Công-dân giáo-dục phải đi sát với môn Đức-dục.

« Một người công-dân trong một nước là một người chính-nhân với cái gì hơn nữa. »

Nói một cách khác, môn Công-dân giáo-dục, là sự áp-dụng trong phạm-vi xã-hội những công-đức (vertus sociales) của một cá-nhân.

Trong khi dạy môn Công-dân giáo-dục, giáo-chức sẽ tìm ra những lời nói và những giọng thích-ứng để kích-thích các đức-tính ấy trong tâm-hồn trẻ-con.

3^o) Môn Công-dân giáo-dục đánh tan biết bao thành-kiến và phòng-ngừa tâm-hồn các trẻ đối với những sự lỗi-lầm thô-lỗ. Thí-dụ : nhiều người hiểu lầm ý-nghĩa « tự-do ». Theo họ : « Tự-do là muốn làm chi thì làm. » Sự thực không phải thế, trong một nước dân-chủ « tự-do cá-nhân » này bị hạn-chế bởi « tự-do » của nhiều cá-nhân khác. Nói một cách khác, trong đời sống xã-hội chỉ có « tự-do tương-đối » mà không hề có « tự-do tuyệt-đối ».

Cũng như từ-ngữ « tự-do », từ-ngữ « bình-đẳng » cũng bị hiểu một cách lệch-lạc.

Trước luật-pháp, các cá-nhân đều « bình-đẳng bất luận là sang hay hèn, giàu hay nghèo, học-thức hay vô-học-thức ».

Nhưng trong đời sống thực-tế đâu có vậy. Tài-đức nào thì địa-vị ấy. Tài-đức cao thì địa-vị cao, tài-đức kém thì địa-vị kém. Ấy là lẽ công-bằng tự-nhiên và « chỉ có những người đồng-đẳng mới bình-đẳng với nhau » mà thôi.

Có người lại cho rằng : Trốn xâu, lậu thuế, gian-lận của công không phải là « ăn cắp » và không tội-tình gì. Hiểu thế là sai. Trốn xâu, lậu thuế là làm giảm số thu của Chính-phủ. Gian-lận của công là làm thiệt hại cho công-quỹ. Các việc ấy đều làm thiệt-hại cho Chánh-phủ. Mà

Chính-phủ là đại-diện của toàn-dân. Vậy cá-nhân nào làm những việc ấy sẽ mắc tội rất nặng, là ăn trộm, ăn cắp tiền bạc của toàn dân và không thể tha thứ được. Họ sẽ bị kêu án rất nặng trước pháp-luật.

4^o) Môn Công-dân giáo-dục là sự đơm hoa kết quả của môn Sử-ký.

Các cơ-quan chính-quyền hiện nay đều bắt nguồn sâu xa ở những sự kiện lịch-sử như: Quân đội, Giáo-dục, Tư-pháp, Chế-độ, chính-trị, kỹ-nghệ, kinh-tế v. v...

« Chúng ta đừng tưởng rằng vì hiện-tại mà chúng ta « bị bắt buộc phải vu-cáo dĩ-vãng hoặc vì lẽ chỉ cần dùng « hoa của một loại cây mà cho rằng loại cây ấy không « cần đến gốc rễ của nó.»

Nói tóm lại, môn Công-dân Giáo-dục là kết-quả cố-nhiên của môn Sử-ký. Chính trong nhiều trường-hợp, môn Sử-ký đã soi-sáng và giải - thích môn Công-dân giáo-dục.

5^o) Những trở-ngại cần nên tránh. Vấn-đề giải-pháp Quốc-gia. Nhiều người sợ rằng : khi dạy môn Công-dân giáo-dục, nam nữ giáo-chức sẽ không giữ được sự trung-lập, sự vô-tư và sẽ dạy học-sinh làm chính-trị, mĩa mai, phỉ-báng đảng-phái này, tôn-giáo nọ để binh-vực, tuyên-truyền cho đảng-phái hoặc tôn-giáo mình thích, như là trong thời-kỳ phổ-thông đầu-phiếu.

— Thực ra, nhiệm-vụ cao cả của nam-nữ giáo-chức không cho phép các vị ấy có thái-độ thiên-lệch như vậy. Nếu rủi mà việc ấy xảy ra, thì chính các bậc phụ-huynh và nhân-dân trong địa-phương sẽ đứng lên phản-đối ngay.

Vậy đối với tôn-giáo, các đảng-phái chính-trị được

Chính-phủ chính-thức công-nhận, giáo-chức có bôn-phận đứng trung-lập và giữ dạ vô-tư.

Tuy nhiên, đối với một vài lý-thuyết có tính-cách phá-hoại, giải-pháp quốc-gia và không được chánh-phủ nhìn-nhận thì giáo-chức không còn giữ thái-độ trung-lập nữa. Trái lại, giáo-chức phải giữ - gìn học-sinh không để tà-thuyết mê-hoặc chúng.

D) PHƯƠNG-PHÁP PHẢI THEO KHI DẠY MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC.

Phương-pháp phải theo khi dạy môn công-dân giáo-dục căn-cứ vào nguyên-tắc sau đây.

1⁰) **Đi từ chỗ biết đến chỗ không biết.** Thí dụ :

a) Khởi đầu nói về làng sở-tại của trẻ-con. Châu-vi. Cách tổ-chức cơ-quan hành-chánh. Các cấp. Các xóm. Chợ làng, Nhà việc. Phận sự xã-trưởng, Các hội-viên Hội-đồng hương-chính.

b) **Tổng** : Châu-vi cách tổ-chức các cơ-quan hành-chánh tổng.

c) **Quận** : Cách tổ-chức các cơ-quan chính-quyền quận.

d) **Tỉnh** : Cách tổ-chức các cơ quan chính-quyền tỉnh.

e) **Xứ** (Quốc-gia Việt - Nam) : Chế-độ. Cách tổ-chức các cơ-quan chính-quyền trung-trong.

2⁰) **Cụ-thể-hóa bài dạy** : Bài dạy phải được cụ-thể-hóa bằng tranh ảnh, bằng kịch ngắn (tổ-chức trong lớp một cuộc đấu phiếu : Cử-tri — Ứng-cử-viên — Các giấy tờ cần-thiết, lá phiếu — Hòm phiếu — sự bỏ phiếu — sự khai hòm phiếu). Giáo-chức cố gắng sưu-tầm các giấy tờ, các công-văn, lá phiếu, các tranh ảnh đăng trên báo về một cuộc bỏ phiếu.

3^o) Làm nổi bật sự liên-hệ giữa các khái-niệm với những nguyên-tắc căn-bản.

Thực ra các bài Công-dân giáo-dục rất khô-khan. Vậy cần nối liền các bài ấy với nhau bằng những nguyên tắc đại-cương căn-bản, làm nền-tảng cho công-quyền. Thí-dụ : Khi nói đến sự tổ-chức các tòa-án các cấp thì nên nhấn mạnh về nguyên-tắc : Các công-dân đều bình-đẳng trước pháp-luật.

Khi nói đến sự thu-thuế thì nhấn mạnh về nguyên-tắc : các sắc thuế đều được phân-bổ đồng đều cho các công-dân tùy khả-năng tư-hữu và sản-xuất của mỗi cá-nhân.

4^o) Áp-dụng cho đời sống nhà trường một ít nguyên-tắc dân-chủ.

Nhà trường là một xã-hội thu hẹp trong đó mỗi học-sinh vừa có quyền-lợi và vừa có bổn-phận.

Các học-sinh đều phải tuân theo một luật-lệ duy nhất là kỷ-luật nhà trường.

Giáo-chức có thể biến lớp học thành một hội-đồng, một quốc-hội tí hon mà mỗi học-sinh là hội-viên. Những việc « thưởng » hay « phạt », những vấn-đề liên-hệ đến đời sống hàng ngày của lớp học đều được đưa ra cho hội đồng biểu-quyết cả. Như vậy giáo-chức đã tập học-sinh tự điều khiển, tự cai-trị lấy nhau và dần dần nhận thức trách-nhiệm của chúng.

E) KẾT - LUẬN.

Nói tóm lại trong một nước Cộng-hòa dân-chủ, môn Công-dân giáo-dục rất cần thiết, nhất là ở trường sơ-tiểu, vì đa số thanh-thiếu-niên, sau khi đã học qua các lớp sơ-tiểu, vì hoàn-cảnh gia-đình, phải sớm ra đời tìm kế sinh-nhai. Vậy, ngay ở lớp này các thanh-thiếu-niên ấy cần được biết rõ những nguyên-tắc của chế-độ dân-chủ

những quyền-lợi mà nhất là những bổn-phận của mỗi người công-dân.

Nhưng cách dạy môn Công-dân giáo-dục không chỉ ghi trong tri-óc các thanh-thiếu-niên những tri-thức như : nhiệm-vụ của xã-trưởng, của chánh-tổng, của quận-trưởng của tỉnh-trưởng vân vân... mà thôi đâu. Nó còn bắt-buộc giáo-chức phải in sâu vào đầu-não chúng những tình-cảm nồng nàn của một công-dân gương-mẫu. Giáo-chức có thể đạt được mục-đích ấy bằng những lời nói đượm màu khoan-dung, đại-độ với một tâm-hồn quả-quyết và hoạt-động.

Sau đây là lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục về mục - đích và cách dạy môn Công - dân giáo-dục : Chương-trình môn giáo-khoa này sẽ gồm những điều mà một công-dân trong nước cần biết, những huấn-lệnh thiết-thực cần phải thi-hành trong mỗi trường-hợp. Mục-đích là giúp trẻ có những ý tưởng quốc-gia chắc-chắn, bài trừ những tập-quán xấu, gây cho chúng những tập-quán tốt của người công-dân, cải-chính những quan-niệm sai lầm trong dân-gian, lấy sự ích-lợi chung làm trọng. Những bài dạy về công-dân giáo-dục phải vắn-tắt, rõ-ràng. Lấy thí-dụ quanh học-sinh mà nói, hay cụ thể hóa bài học bằng cách bắt chước những hoạt-động của xã-hội, hay cho xem những mẫu văn thư chính-thức rồi suy - rộng dần ra. Những điều đã dạy cần phải thực-hành ngay và được nhắc lại luôn luôn. Thí-dụ : Giữ trường cho sạch, giữ trật-tự ngoài đường, không làm hư hỏng bàn ghế nhà trường v v... Nói tóm lại, những điều dạy về công-dân giáo-dục phải gây tinh-thần đoàn kết khiến cho học-sinh hiểu nhiệm-vụ và quyền-lợi của một công-dân, để tránh những sự nhùng-làm. Vậy công-dân giáo-dục và luân-lý có liên-lạc mật-thiết

vời nhau, vì mục-dịch bên nào cũng là đào-tạo cho nước nhà những công-dân sáng-suốt.

Điều cần đặc-biệt chú ý : Chú-trọng đến việc tuân y phép nước và sự tham-dự xây-dựng chính-thể cùng ủng-hộ chính-quyền quốc-gia của toàn dân.

*
* *

CHƯƠNG BA

SỬ - ĐỊA

I. — SỬ-KÝ

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN SỬ-KÝ.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

Lớp Năm

Sử-ký : Không có giờ học.

Lớp Tư

Sử-ký : $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ}$.

Lớp Ba

Sử-ký : $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ}$.

Lớp Nhì (Nam học-sinh)

Sử-ký : 1 giờ.

Lớp Nhì (Nữ học-sinh)

Sử-ký : 1 giờ.

Lớp Nhất (Nam học-sinh)

Sử-ký : 1 giờ.

Lớp Nhất (Nữ học-sinh)

Sử-ký : 1 giờ.

B) CHƯƠNG-TRÌNH

(Bộ Quốc - gia Giáo - dục : Chương-trình ngày 16-7 năm 1959).

Lớp Năm

Không có giờ học.

Lớp Tư

Thăm các nơi có dấu tích lịch-sử trong vùng. Kể các truyện cổ-tích, các bậc danh-nhân trong vùng. Kể các chuyện danh-nhân trong lịch-sử.

- 1.— Cậu bé đuổi giặc Ân : (Phù-Đổng Thiên-vương).
- 2.— Tỏ-Quốc trên hết : (Lữ-Gia).
- 3.— Giải-phóng đất nước : (Hai Bà Trưng).
- 4.— Đầu voi phất ngọn cờ vàng : (Bà Triệu).
- 5.— Vua đồng lầy : (Triệu-Quang-Phục).
- 6.— Ngọn sóng Bạch-Đằng : (Ngô-Quyền).
- 7.— Cờ lau tập trận : (Đinh-Tiên-Hoàng).
- 8.— Mở khoa thi đầu tiên : (Lý Nhân-tôn).
- 9.— Phạt Tống binh Chiêm : (Lý Thường-Kiệt).
- 10.— Không tham vàng bỏ nghĩa : (Tô-Hiến-Thành).

Lớp Ba

Thăm các nơi có dấu tích lịch-sử trong vùng; xem tranh ảnh, tài liệu lịch-sử. Kể truyện lịch-sử của các bậc danh-nhân, các bậc anh hùng.

- 1.— Lòng quyết chiến : (Hội-nghị Diên-Hồng).
- 2.— Vì nước quên thù nhà : (Trần-Hưng-Đạo).
- 3.— Trận Bạch-Đằng : (Trần-Hưng-Đạo).

- 4.— Ngồi đan sọt mà lo việc nước (Phạm-Ngũ-Lão).
- 5.— Anh-hùng tí-hon (Trần-Quốc-Toản).
- 6.— Thà làm quý nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc : (Trần-Bình-Trọng).
- 7.— Ông Trạng thanh-liêm : (Mạc-Đĩnh-Chi).
- 8.— Dâng sớ xin chém đầu bảy nịnh-thần : (Chu-văn-An).
- 9.— Ngâm thơ nuốt hận nước : (Đặng-Dung).
- 10.— Mười năm kháng - chiến chống quân Minh : (Lê-Lợi).
- 11.— Hy-sinh vì đại-nghĩa : (Lê-Lai).
- 12.— Rửa hận cho nước, trả thù cho cha (Nguyễn-Trãi).
- 13.— Khởi thảo địa-lý và sử-ký nước nhà : (Lê-thánh-Tôn).
- 14.— Công việc mở rộng miền Nam : (Chúa Nguyễn).
- 15.— Công cuộc cai-trị xứ Bắc : (Chúa Trịnh).
- 16.— Trần Đống-Đa (Quang-Trung).
- 17.— Gương trung-nghĩa : (Võ-Tánh và Ngô-Tòng-Chu).
- 18.— Doanh điền-sứ : (Nguyễn-Công-Trứ).
- 19.— Một nhà nho sáng suốt : (Nguyễn-Trường-Tộ).
- 20.— Chết để cứu dân : (Phan-Thanh-Giản).
- 21.— Nhịn đói chịu đau mà chết : (Nguyễn-Tri-Phương).
- 22.— Thà chết không bỏ thành : (Hoàng-Diệu).
- 23.— Cuộc khởi-nghĩa Đàng Văn-Thân : (Phan-Đình-Phùng).
- 24.— Phong-trào cách-mạng từ Nam chí Bắc : (Trương).

Công - Định, Định Công - Tráng, Hoàng - Hoa - Thám.

25. — Một học-giả uyên-thâm ; (Trương-vĩnh-Ký).

Lớp Nhì

Nguồn gốc nước Việt-Nam, cách sinh-hoạt về đời thượng-cổ : nghề làm ruộng (nông-khí bằng đá, nước thủy-triều, nghề đánh cá, tục vẽ mình).

1^o) Thời-đại Bắc-thuộc.

Các Thái-thú, các cuộc khởi-nghĩa. Ảnh-hưởng về văn-hóa và chánh-trị của thời Bắc-thuộc.

2^o) Thời-đại Độc-lập.

Nhà Ngô — Nhà Đinh — Nhà Tiền Lê.

Nhà Lý : Nội-trị, đánh Tống, đánh Chiêm.

Nhà Trần : Hội-Nghị Diên-hồng : đuổi giặc Mông-cổ ; hai lần phá quân Nguyên.

Tổ-chức nội-trị, xây dựng nền văn-hóa.

Văn-chương quốc-ngữ và Ông Hàn-Thuyên.

Nhà Hồ : Chánh-trị, văn-hóa, giao-thiệp với Tàu và Chiêm-Thành.

Nhà Hậu Trần : Chính-sách đò-hộ của nhà Minh.

Mười năm kháng-chiến chống quân Minh : Lê-Lợi.

Nhà Hậu-Lê : Việc nội-trị — Việc võ-bị.

Văn-hóa và chính-trị của Lê-Thánh-Tôn.

Cớ sao nhà Lê mất ngôi.

3^o) Thời-đại Nam-Bắc phân-tranh.

Nhà Mạc : Chính-trị.

Họ Nguyễn giúp nhà Lê.

Trịnh Nguyễn phân-tranh. Người Âu-châu sang Việt-Nam. Tây-Sơn khởi nghĩa.

Họ Trịnh mất nghiệp Chúa.

Lớp Nhất

1^o) Nhà Tây-Sơn.

Vua Quang-Trung đại-phá quân Thanh.

Chính-trị, văn-học. Ông Nguyễn-Thiếp và sự dịch sách chữ nôm. Nguyễn-Vương lấy Gia-định, Qui-nhơn, Phú-Xuân, đánh Bắc-Hà.

2^o) Nhà Nguyễn.

Đời Gia-Long : Nội-trị, văn-học, ngoại-giao.

Đời Minh-Mạng : Đạp-loạn, giao thiệp với nước ngoài.

Đời Thiệu-Trị : Việc giao-thiệp với Chân-lạp. Việc cấm đạo.

Đời Tự-Đức : Tình thế trong nước. Nguyễn-Trường-Tộ.

Nước Pháp lấy Nam-kỳ, Phan-Thanh-Giản đi sứ.

Quân Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ nhất (1874). Nguyễn-Tri-Phương.

Quân Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ hai : Hoàng-Diệu.

3^o) Cuộc đô-hộ của người Pháp : Hòa-ước 1884.

Chính-sách cai-trị của nước Pháp ở Việt-Nam.

Đời Hàm-Nghi : Cuộc kháng-chiến Phan-Đình-Phùng và Đàng Văn-Thân. Các cuộc khởi nghĩa khác ở Trung-Nam-Bắc (Trương-Công-Định, Đinh-Công-Tráng, Hoàng-Hoa-Thám). Các đời vua Đồng-Khánh, Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định.

Phong trào duy - tân và cuộc cách - mạng ở trong nước, khởi-nghĩa Thái-Nguyên, Yên-Bái. Cuộc cách-mạng năm 1945. Cuộc kháng-chiến chống Pháp và sự lợi-dụng của Việt-cộng. Chính-phủ bù-nhìn Bảo-Đại.

C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN SỬ-KÝ.

Những ích-lợi của môn Sử-ký là như sau :

1^o) Môn Sử - ký giúp học - sinh biết rõ dĩ-vãng của nước nhà.

Một học-sinh Việt, một công-dân Việt mà không biết sử Việt là điều không thể tha thứ được.

2^o) Môn Sử-ký với lòng ái quốc.

Từ-ngữ « Tổ-quốc » có ý-nghĩa trừu-tượng quá. Học-sinh sẽ lần lần biết rõ ý-nghĩa ấy khi chúng học sử-ký nước nhà. Học sử-ký Việt-Nam, chúng mới nhớ đến công-trình vĩ-đại của tổ-tiên đã hy-sinh biết bao xương máu để tạo nên một giang-san như thế này và truyền lại cho con cháu là chúng ta ngày nay. Vậy bổn-phận của các thế-hệ sau này là tô-điễm cái di-sản của cha ông ngày một tốt đẹp thêm lên. Môn sử-ký ở đây đã cho các học-sinh nhận-thức rõ-rệt sự liên-đối mật-thiết giữa quá khứ, hiện-tại và vị-lai, giữa người sống và người chết. Nền-tảng của lòng ái-quốc là ở chỗ đó.

3^o) Môn Sử-ký với tinh-thần công-dân (le civisme).

Dạy môn sử-ký không phải dạy một cách quá ư khoa-học nghĩa là khô khan, lặt lẽo và làm cho trẻ con chán. Trái lại khi dạy môn ấy, giáo-chức phải biết trích trong ấy ra những bài học hay cho đời sau và đồng thời làm tráng-kiến tinh-thần công-dân của mỗi cá-nhân. Mỗi công

dân trong nước cần biết rõ sử-ký nước nhà để suy cõ
nghiệm kim và do đó rút kinh nghiệm để vạch lối đi cho
dân-tộc.

Nhờ học môn sử-ký mà quốc dân đồng bào mới nhận
thấy rằng : biết bao phen dân tộc ta nhờ biết hợp-quần,
biết đoàn-kết mà đã đẩy lui được quân ngoại-xâm đông
hơn quân ta gấp mười lần.

Nhờ học môn sử-ký mà mọi người công-dân yêu
Tổ-quốc một cách nồng-nhiệt và sẵn-sàng hy-sinh tnh-
mạng để bảo-vệ lãnh-thổ của cha ông.

Nhờ học môn sử-ký mà mọi công-dân đều biết để
quyền-lợi Tổ-quốc trên hết và nhường nhịn nhau để mưu
hanh-phúc chung.

4^o) Môn Sử-ký với môn Đức-dục.

Nhờ môn sử-ký, trẻ con mới biết ghét, thù những
phường hại dân, hại nước, mãi quốc cầu vinh và đồng-
thời biết tôn-trọng, thờ-kính những anh-hùng dân-tộc vì
quốc vong thân.

Trong nhiều trường-hợp, Sử-ký giúp tài-liệu một cách
thiết-thực cho môn Đức-dục.

Nói tóm lại sử-ký của một nước là mảnh gương sáng
để các thế-hệ của dân-tộc ấy soi vào đấy mà tự biết mình
và tự sửa mình.

5^o) Môn Sử-ký với Trí-dục.

Môn sử-ký giúp sự mở mang trí-thức của trẻ con bằng
cách kích-thích trí ký-ức, trí tưởng-tượng và óc suy-luận
của chúng. Về điểm chót này, giáo-chức có thể ra lệnh cho
học-sinh lớp nhứt nghiên cứu các sự-kiện lịch sử để rồi
tìm ra nguyên-nhân và kết quả.

C) TÍNH CÁCH DẠY MÔN SỬ-KY.

Môn Sử-ký phải được dạy một cách cụ thể bằng cách cho trẻ con xem các tranh ảnh, các khí cụ, đồ vật của người xưa, đọc bài văn do người xưa viết, đi viếng các nơi cổ-tích như đình, miếu, lăng tẩm, tượng, bia bằng đá, bằng đồng, y phục, khí giới vân vân... cho đóng kịch ngắn diễn lại các sự kiện lịch-sử quan-trọng.

Bài dạy phải ngắn, nhưng cách trình bày phải mặn mà hấp dẫn. Giáo-chức tùy trường hợp phải đổi giọng và đổi sắc mặt để nhấn mạnh về tinh-thần của đoạn bài. Hỉ, nộ, ai, lạc, v.v... đều phải có đủ để rung động tâm-hồn trẻ con. Có như thế chúng mới nhớ mãi những điểm quan-trọng của lịch-sử.

Bài dạy phải được trình bày dưới hình thức thuyết minh lẫn vấn đáp để lớp học được linh động.

Nếu các học-sinh đã được nhà trường phát sách giáo khoa về môn Sử-ký thì giáo-chức có thể áp-dụng cách dạy môn Sử-ký bằng sách.

Khi đến lúc giảng bài mới thì giáo chức bảo học-sinh lấy sách ra và đọc từng đoạn một. Giáo-chức giải nghĩa các chữ khó, giải rộng ra những câu, những đoạn tối nghĩa bằng những thí-dụ cụ thể.

Sau khi về nhà, chúng sẽ học bài lại trong sách và sẽ được biết chi tiết có sẵn trong sách. Cách dạy này tuy có tánh cách giản-dị nhưng kết-quả rất chắc chắn.

Nếu sách giáo-khoa có bài toát-yếu hay thì giáo-chức không ngần ngại chi mà không dùng bài ấy. Tuy nhiên giáo-chức, nếu nhận thấy cần, có thể rút bài toát yếu lại ngắn hoặc thêm vào vài chi tiết để bài ấy được đầy đủ.

Giáo-chức có thể cho học-sinh làm những bài Tác-văn (lối tự-thuật có lời phê-bình) mà đề-tài có tính-cách hoàn toàn lịch-sử.

E) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, nếu môn Sử-ký được dạy một cách cụ thể thì nó sẽ là môn học mà trẻ em thích nhất.

Nó mở mang trí ký-ức, óc suy-xét, óc phán đoán của chúng. Giáo-chức dạy môn Sử-ký phải vô tư nhưng không phải lạnh lùng đối với các sự-kiện quan-hệ. Vô tư có nghĩa là : không vì thành-kiến mà tán-dương triều-đại này mà bôi nhọ mặt-sát triều-đại khác. Vô-tư là quan-sát nghiên-cứu mọi sự kiện lịch-sử một cách khách quan, ấn định cho mỗi sự-kiện một giá-trị đúng với vai tuồng của nó trong lịch-sử. Thí-dụ : khi giáo-chức đọc đến bài hịch tướng-sĩ-văn của Đức Trần-Hung-Đạo thì giọng nói phải hùng-hồn, dũng-mãnh, khi bực tức, khi đau đớn, vân vân vì bài văn ấy đòi hỏi cách đọc như thế.

Môn Sử-ký mở-mang trí thức các thế-hệ thanh thiếu niên, kích-thích ở chúng lòng ái-quốc, lòng đạo - đức và in sâu vào tâm-hồn chúng những bài học đích đáng để biến chúng thành những công-dân gương mẫu sau này.

« Môn Sử-ký là nguồn cảm hứng to tát của nền giáo-dục quốc-gia », lời ấy hẳn không ngoa vậy.

Lời chỉ dẫn về cách dạy môn Sử-ký của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Thầy giáo dạy Việt-sử phải có quan-niệm rõ ràng về mục-dịch môn học ấy. Phải cho trẻ em biết :

- Sự-tích nước Việt-Nam.
- Yêu Tổ-quốc một cách sáng-suốt.
- Làm phận sự người công dân đối với Tổ-quốc.
- Làm nảy nở tinh-thần quốc-gia một cách tự-nhiên và thành-thực.

— Noi gương sáng của tiên-nhân để rèn đức tính tốt có tính cách quốc-gia và nhân-đạo.

Trẻ em Việt-Nam cần phải biết nước Việt-Nam đã có từ bao giờ? Ai là người đã gây dựng giang san Tổ-quốc? Ai là kẻ tồ bồi nền văn-hóa quốc-gia? Ai là kẻ đánh đuổi quân thù để đảm bảo toàn lãnh-thổ cho nước Việt-Nam ở vào cảnh đô hộ tàn khốc, thời đại nào nước Việt-Nam ở vào cảnh đô hộ tàn khốc, thời đại nào dân Việt-Nam cùng nhau ca khúc khải hoàn?

Tóm lại, trẻ em Việt-Nam cần phải noi gương các đấng danh-nhân đã làm vẻ vang cho Tổ-quốc, noi gương sáng ấy để nâng cao lòng can-đảm, chí hy-sinh, nghĩa-hiệp quần, lòng ái-quốc, để cố gắng học hành, tiến thủ, vun đắp sự nghiệp to tát của người trước để lại cho mình.

Học lịch-sử nước nhà trẻ em sẽ biết trọng pháp-luật, mến tự do và hiểu rõ nghĩa-vụ với quyền-lợi của dân và của nước.

Trẻ em học lịch-sử, không những mở thêm trí phán đoán trong khi bình phẩm sự nghiệp và hành-vi của các nhân-vật trong lịch-sử, mà lại còn nhân đó hấp-thụ được nhiều đức tính tốt về nghị-lực và công-tâm. Nên tập trẻ em phân-tích cộng trạng cũng như tội trạng các nhân-vật lịch-sử để tìm hiểu đầu tinh-thần quốc-gia thực sự.

Điều cốt nhất của bài sử học là lời giảng giải phải cảm động và hùng hồn làm sống lại cả một quãng đời, làm bật rõ một bức tranh, trông thấy một thời đại, khiến trẻ em phải vui vẻ hay buồn ngủi, ngợi khen hay căm tức. Được như thế, bài sử mới bổ ích.

Ở lớp năm, chưa có giờ học; khi học một bài sử-ký có tính cách luân-lý, thầy giáo nên dùng đề giảng về đức-dục.

Ở lớp tư và lớp ba, trí trẻ con còn non nớt chưa có thể học hẳn sử theo các triều-đại và niên-kỷ. Bài Sử-ký chỉ

là những truyện dật-sử ; những buổi đi thăm các cổ-tích, vừa làm cho trẻ em vui thích, lại vừa làm cho chúng cảm thấy những việc dĩ-vãng cảm thấy nhiều hơn là hiểu biết.

Chỉ từ lớp nhì trở lên, môn Sử-ký mới nên dạy theo thời-đại và niên-kỷ, song cũng chỉ nên chú-trọng đến việc lớn không cần đến tiểu-tiết để học-trò có thể cảm thấy trạng-thái toàn-thể dĩ-vãng cùng hiện-tại của cả một dân-tộc, chứ không phải của một người hay một việc trong một thời-gian.

Dù sao, phương-pháp áp-dụng từ lớp nhỏ đến lớp lớn, vẫn cùng một trung-tâm điểm, vẫn theo một thứ-tự thời-gian, để trẻ-con được nhận-thức rõ sự liên-quan giữa những câu chuyện lẻ-loi với lịch-sử tổng quát của các thời-đại. Như thế, trẻ con sẽ không lạc-lỗi. Trái lại, từ lớp dưới lên lớp trên, chúng sẽ được nhắc lại tất cả những điều đã học một cách rõ-ràng đầy-đủ, tế-nhị và phong-phú hơn.

*
**

II. ĐỊA-LÝ

A). SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN ĐỊA-LÝ Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1959).

Lớp Năm

Không có giờ học.

Lớp Tư

Địa-lý : $(25 \text{ ph} \times 2) = 0 \text{ giờ } 50'$

Lớp Ba

Địa-lý : $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ.}$

Lớp Nhi (Nam-sinh)

Địa-lý : 1 giờ.

Lớp Nhi (Nữ-sinh)

Địa-lý : 1 giờ.

Lớp Nhất (Nam-sinh)

Địa-lý : 1 giờ.

Lớp Nhất (Nữ-sinh)

Địa-lý : 1 giờ.

B) CHƯƠNG-TRÌNH (Bộ Quốc-gia Giáo - dục : Chương-trình 1956).

Lớp Năm

Không có giờ học.

Lớp Tư

Những danh-từ Địa-lý.

Cố tìm những dịp thuận-tiện và nhất là trong những cuộc đi chơi, tùy theo địa-phương, thầy giáo chỉ và giảng cho học-trò biết.

Đồng bằng, ruộng, vườn, nương mạ, tha - ma, điểm canh, chợ, nhà hàng, ngõ, đường đất, đường đá, đường nhựa, đường hỏa-xa, đường xe-điện, nhà ga, nhà bu-điện, đường điện-thoại.

Núi, gò, đồi, đèo, ải, thung-lũng, rừng, hầm mỏ, núi lửa.

Nước, ao, hồ, đầm, suối, lạch, sông con, sông cái, sông đào, kênh, cầu, cống, đập, bãi, bờ đê, bến thuyền.

Biển, bờ biển, bến tàu, giới đất, mũi đất, vịnh, đảo, quần đảo, bán đảo, eo biển, đèo biển.

Tập thực-hành xem phương-hướng.

Lớp Ba

Danh-từ địa-lý.

Mặt trời, mặt trăng. Quả đất, Xích-đạo. Bắc bán-cầu. Nam bán-cầu. Bắc-cực. Lục-địa, Ngũ-Châu. Đại-dương. Thủy-triều. Ngày, đêm. Bốn mùa. Âm-lịch, Dương-lịch.

Lớp học, trường học, làng, phố và thành-phố : quận, tỉnh, tỉnh lân-cận, nước Việt-Nam (đại cương). Tập vẽ bản-đồ lớp học, nhà trường, làng, tỉnh, nước Việt-Nam.

Lớp Nhì

Địa-lý nước Việt-Nam (địa-lý nhân-văn, kinh-tế).

Các nước lân cận : Cambodge, Ailao, Trung-Hoa, Thái-lan (dạy đại-cương : vị-trí các nước ấy và sự liên-hệ về chính-trị, kinh-tế và văn-hóa giữa các nước ấy với Việt-Nam), Vẽ địa-đồ.

Lớp Nhất

1. — Địa-lý nước Việt-Nam (dạy đầy đủ hơn lớp nhì : các phần của Việt-Nam : địa-lý nhân-văn, kinh-tế).

2. — Các nước lân cận : Ấn-Độ, Phi-Luật-Tàn, Nam-Dương, Miến-Điện, Nhật-Bản (dạy đại-cương).

3. — Vị-trí các Châu : nêu lên các cường-quốc có liên-hệ với Việt-Nam về chính-trị, kinh-tế và văn-hóa, trong mỗi Châu. Vẽ địa-đồ.

C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN ĐỊA-LÝ. GIÁ-TRỊ GIÁO-DỤC.

Sự ích lợi của môn Địa-lý ngày hôm nay không còn nghi-ngờ nữa. Sau khi học-sinh rời khỏi ghế nhà trường chúng cần có một trí-thức rành mạch về nước Việt-Nam về núi-non, về sông ngòi, về thổ-sản, về khoáng-sản, về nhân-dân, về chế-độ chính-trị. v.v... Không biết các điều cần-thiết ấy chúng sẽ là một ngoại-nhân sống trên đất Việt

không hơn không kém, đó là điều không thể tha-thứ được.

Ngoài các tri-thức nói trên, chúng còn có những ý-niệm tổng-quát về các xứ trong vùng Đông Nam Á-Châu và về những cường-quốc trong Ngũ Đại-Châu. Chúng cần biết những mối liên-lạc giữa Việt-Nam và các nước ấy về phương-diện kỹ-nghệ, thương-mại và chánh-trị, biết phân-biệt cái hơn cái kém của các nước đối với Việt-Nam. Nhờ đó mà lòng ái-quốc của chúng trở nên sáng suốt.

Không những thế, môn Địa-lý còn giúp các năng-khiếu của chúng phát-triển mạnh như: óc quan-sát, trí ký-ức, trí tưởng-tượng và óc suy-luận.

D) NHỮNG NĂNG-KHIẾU CỦA TRẺ CON ĐƯỢC MÔN ĐỊA-LÝ KÍCH-THÍCH.

1^o) **Óc quan-sát** : Ở các lớp nhỏ (lớp tư, lớp ba) khi dạy môn Địa-lý, giáo-chức cần kích-thích óc quan-sát của chúng. Cần tổ-chức những buổi nói chuyện thân-mật, những buổi học-tập để chuẩn-bị một buổi quan-sát thực-sự. Chính trong các buổi nói chuyện thân-mật ấy mà óc quan-sát của trẻ-con được kích-thích cực-độ.

Thí-dụ các cuộc quan-sát : Quan-sát bốn phương tám-hướng, cách giống hướng ; sự di-động của mặt trời, sự tuần-tự điều-hòa của bốn mùa ; các triệu-chứng của sự thay đổi thời tiết, các danh-từ địa-lý có tính-cách địa-phương (nhà, đường lộ, ấp, làng mạc).

Bốn phương phải được tìm ra trên mặt khoảnh đất, trên sân trường, trong các cuộc đi chơi.

Về các danh-từ địa-lý (núi, biển, sông, vịnh, eo-biển, cù-lao, quần-đảo, v. v...) thì những định-nghĩa ấy cần được cụ-thể-hóa bằng tranh ảnh, hình đắp bằng ciment hay thạch-cao, hoặc bằng những thí-dụ cụ-thể tương-tự nhưng trong phạm-vi thu-hẹp, tìm thấy ở địa-phương. Thí-dụ : cái đồi, cái ao, cái rạch ở làng làm trẻ con liên-tưởng đến núi non, biển hồ, sông lớn, vãn vãn...

Kế đó là sự học hỏi, quan-sát một bức dư-đồ. Bắt đầu giáo-chức cho vẽ bản-đồ lớp học trên bảng đen để nắm ngửa giữa lớp với một tỷ-lệ-xích đã được ấn-định trước. Trong bản-đồ ấy, giáo-chức tập trẻ con tìm ra bốn hướng và nêu lên bằng chữ thập có mấy chữ: Đ.T.N.B. Đoạn giáo-chức cho dựng bảng-đen lên, phía có chữ B (Bắc) thì ở trên; phía có chữ N (Nam) thì ở dưới và cho biết rằng tất cả các bức dư-đồ đều được giống hướng như thế cả.

Bắc ở trên, Nam ở dưới, Đông bên hữu, Tây bên tả.

Sau đó thì giáo-chức giúp học-sinh tìm ra ý nghĩa của tỷ-lệ-xích.

Các kỳ sau, giáo-chức dạy chúng lập dư-đồ của nhà trường, của khu phố hoặc của làng mạc, vân vân. Để khai tâm trẻ con về phép vẽ dư-đồ, giáo-chức có thể dùng những hình ảnh bằng ciment, bằng thạch-cao, hoặc bằng cát rồi bắt trẻ con ở trên cao ngó xuống các vật ấy theo đường thẳng góc. Giáo-chức nhân đó cho trẻ con biết rằng: bản dư-đồ của một vùng, một xứ nào là hình thu nhỏ của xứ ấy; vùng ấy được ở trên cao (ở trên máy bay chẳng hạn) ngó xuống.

2) Trí tưởng-tượng: Giáo-chức cho học-sinh xem tranh ảnh các núi non, sông ngòi, biển, vịnh, eo biển, cù lao, quần đảo, đầm, hồ, cao-nguyên, v.v... và sau đó khi nói đến núi non, biển hồ, ao, đầm, sông ngòi, cao-nguyên, cù-lao, quần-đảo v.v... mà không có tranh ảnh thì chúng sẽ tưởng-tượng mà hiểu được. Nhờ thế chúng sẽ hiểu và thưởng-thức ngay những bài văn tả các cảnh ấy.

3) Óc suy-luận: Giáo-chức tập học-sinh tự hỏi và tự làm ra câu trả lời như sau: Tại sao thành-thị này lại được đóng ở chỗ này? Tại sao ở chỗ kia xưa là bãi chiến-trường? Các câu hỏi ấy giúp chúng tìm ra « nhân » và « quả » của một sự kiện, một hiện-tượng địa-lý.